

TỰ CHỦ CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP Ở NHẬT BẢN VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

PGS.TS. Nguyễn Hữu Hải

Trường Đại học Thành Đô

(Quanlynhanuoc.vn) – Nhật Bản được biết đến không chỉ là một cường quốc kinh tế mà còn được coi là đất nước có nền giáo dục mẫu mực của thế giới. Nền giáo dục Nhật Bản đã kết hợp một cách hài hòa giữa bản sắc văn hóa lâu đời phương Đông với những tri thức phương Tây hiện đại, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển thành nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới. Hệ thống giáo dục cho người trưởng thành, trong đó có giáo dục đại học của Nhật Bản được xếp vào top đầu của đại học các nước trên thế giới, nhất là sau khi thực hiện cơ chế tự chủ. Tuy nhiên, kết quả tự chủ của các trường đại học của Nhật Bản cũng phát sinh những vấn đề cần xem xét để đúc rút kinh nghiệm cho các quốc gia đang áp dụng cơ chế này với hệ thống các trường đại học như Việt Nam.

***Từ khóa:** Giáo dục đại học; tự chủ; Nhật Bản; các trường đại học công lập; bài học kinh nghiệm.*

1. Đặt vấn đề

Kinh nghiệm của Nhật Bản là đẩy mạnh hoạt động các trường đại học hàng đầu với tư cách là các trung tâm đào tạo chất lượng cao. Về định hướng đào tạo, nếu như các trường đại học dân lập thiên về kỹ năng thực hành thì các trường đại học công lập, như: Tokyo và Kyoto,... vẫn dành ưu tiên giảng dạy các tri thức tổng hợp mang tính nền tảng của các ngành khoa học cơ bản hàng đầu.

Hiện nay, Nhật Bản có 86 trường quốc lập, 92 trường công lập địa phương và 603 trường tư lập. Số lượng sinh viên theo học tại các trường là 3.160.803 sinh viên, trong đó có 612.470 sinh viên học trường quốc lập (19,3%), 157.697 sinh viên thuộc trường công lập địa phương (4,9%) và 2.390.636 học trường tư lập (75,8%). Sự tham gia của khu vực tư vào giáo dục đại học trong những năm qua thể hiện sự gia tăng rõ rệt, tỷ lệ sinh viên học ở trường tư trong tổng số sinh viên tăng từ 64,4 % năm 1960 lên 73,3% năm 1999 và 75,8% năm 2020¹. Điều này cho thấy, thực tế phát triển kinh tế Nhật Bản trong hơn nửa thế kỷ qua có sự đóng góp quan trọng của hệ thống trường đại học tư lập ở đất nước này trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

2. Tự chủ của các trường đại học ở Nhật Bản

Để tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo đại học, năm 2001, Ủy ban Giáo dục đại học Nhật Bản đã đề xuất “Chính sách cải cách cơ cấu giáo dục đại học” với mục tiêu tăng cường tính năng động và khả năng cạnh tranh quốc tế của các đại học công lập với những biện pháp cơ bản. Năm 2002, *Luật Giáo dục* (sửa đổi) đã cho phép các đại học linh hoạt hơn trong việc cải tổ cơ cấu tổ chức và quản lý cùng với hệ thống đánh giá 3 bên là: nhà trường, nhà nước và các tổ chức xã hội – nghề nghiệp.

Năm 2003, Nhà nước thông qua Đạo luật Hiệp hội Đại học Quốc gia trao quyền tự chủ về mặt pháp lý cho các trường đại học với quyền lực nhiều hơn. Trên cơ sở đó, toàn bộ các trường công (bao gồm quốc lập và công lập) của Nhật Bản chuyển sang tự chủ theo mô hình tập đoàn hay tổng công ty đại học nhằm tăng cường tính độc lập, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đại học công lập, áp dụng cơ chế quản lý kiểu doanh nghiệp trong quản trị đại học.

(1) Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ.

Theo quy định của *Luật Giáo dục* năm 2002, nhà trường đại học được tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc cấp văn bằng, chứng chỉ các chương trình đào tạo; mở chương trình đào tạo mới; giảm bớt việc quản lý trực tiếp của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ. Khi mở thêm chuyên ngành đào tạo cần thành lập mới các đơn vị trực thuộc để đảm nhận nhiệm vụ mà không cần tăng thêm chỉ tiêu tuyển sinh thì trường có thể tự quyết định. Còn nếu cần tăng tổng số sinh viên của trường thì nhất thiết phải xin phép Bộ. Điều này có nghĩa là sau tự chủ, Bộ vẫn tiếp tục quản lý số lượng sinh viên, thạc sĩ và nghiên cứu sinh; các trường không được quyết định chỉ tiêu tuyển sinh và quy mô đào tạo. Quy định này nhằm duy trì chất lượng đào tạo đại học của các trường sau tự chủ.

(2) Tự chủ về tổ chức bộ máy và điều hành hoạt động.

Sau tự chủ, hoạt động của tập đoàn đại học quốc gia được điều hành thông qua hệ thống Hội đồng quản trị, bao gồm chủ tịch và người được ủy thác, thành lập các bộ phận quản lý, giáo dục và các ban điều hành cần thiết khác. Tập đoàn đại học quốc gia sẽ mời những người bên ngoài tham gia thành viên của Hội đồng trường và trực tiếp tham gia vào hoạt động quản lý.

Mỗi trường đại học quốc gia có Chủ tịch trường và bộ máy lãnh đạo điều hành gồm:

(1) Hội đồng quản trị là bộ phận cao nhất có quyền quyết định về tài chính và do Chủ

tịch trường đứng đầu; (2) Hội đồng quản lý, điều hành có trách nhiệm quyết định các vấn đề về hành chính, điều hành hoạt động của trường; (3) Hội đồng giáo dục và nghiên cứu thực hiện những nhiệm vụ liên quan đến đào tạo và nghiên cứu. Cấu trúc tổ chức này cho thấy có sự phân công trách nhiệm giữa ba hệ thống cơ quan lãnh đạo, quản lý, trong đó Chủ tịch trường là người có quyền ra quyết định cuối cùng dựa trên sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị.

Giám đốc trường đại học do các giảng viên cơ hữu bầu và Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ ra quyết định bổ nhiệm dựa trên kết quả bầu cử. Như vậy có thể thấy, vai trò của các giáo sư, giảng viên đại học rất lớn.

Sau tự chủ, trường được quyết định thành lập hoặc xóa bỏ các đơn vị (trường hay viện) thành viên cho phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của mình. Để tăng cường tính tự quyết của Chủ tịch Hội đồng, các đại học quốc gia đã giảm đáng kể số lượng những cuộc họp mang tính chất ra quyết định tập thể, giảm số lượng các Ủy ban và số thành viên các Ủy ban. Ví dụ: Đại học giáo dục Aichi đã giảm số lượng các cuộc họp từ 19 xuống còn 7 cuộc họp/năm; giảm số lượng các ủy ban từ 36 xuống 24, số lượng thành viên các ủy ban từ 400 xuống còn 100 người².

(3) Tự chủ về nhân sự.

Trước cải cách, biên chế nhân sự được quy định cụ thể về số lượng và từng vị trí việc làm, do đó, các trường không có quyền chủ động trong việc quyết định số lượng nhân viên, hay đổi mới tổ chức nhân sự nếu không được phép của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ. Sau khi đổi mới mô hình hoạt động theo hướng tự chủ, các trường có quyền chủ động trong việc quyết định biên chế, tuyển dụng nhân sự phù hợp với nguồn ngân sách dưới sự điều hành, chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng trường để có thể khai thác tối đa nguồn nhân lực. Một số trường đại học xóa bỏ chế độ biên chế nhân sự cho từng khoa mà áp dụng chế độ quản lý chung cho toàn trường để có thể luân chuyển, bổ sung nhân sự giữa các khoa một cách linh hoạt.

(4) Tự chủ về ngân sách.

Ở Nhật Bản hiện nay, nguồn kinh phí cho các trường đại học được chia thành ba loại: (1) Kinh phí chi cho hoạt động thường xuyên; (2) Kinh phí cạnh tranh dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học của mỗi cá nhân; (3) Nguồn trợ cấp cho sinh viên. Ngân sách nhà nước sẽ cấp các khoản kinh phí này cho các trường đại học quốc gia. Bên cạnh đó, Chính phủ Nhật Bản áp dụng chính sách phân bổ ngân sách dựa trên sự cạnh

tranh giữa các khối trường: đại học quốc gia, đại học công lập và đại học tư lập thông qua tài trợ các dự án. Vì vậy, các trường đại học đặc biệt quan tâm đẩy mạnh cải cách, xây dựng các dự án để xin tài trợ từ các nguồn ngân sách của Chính phủ Nhật Bản.

Trước khi tự chủ, ngân sách nhà nước cấp là 50%; hỗ trợ của Nhà nước cho xây dựng cơ sở vật chất là 20%; thu nhập từ hoạt động dịch vụ khác là 15%; thu học phí là 10%; kinh phí nghiên cứu từ quỹ ngoài là 5%. Sau tự chủ, các trường đại học được chủ động sử dụng kinh phí chi hoạt động thường xuyên, tự quyết định mức học phí, thành lập khoa mới và mở chương trình đào tạo mới. Cơ cấu ngân sách sau tự chủ chỉ là hỗ trợ hoạt động 33%; hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất 7%; thu nhập từ các dịch vụ là 32%; thu học phí 11%; kinh phí nghiên cứu quỹ ngoài là 12%; quyên góp là 3%; nguồn thu khác 2%³.

Trong các khoản ngân sách trước và sau tự chủ tài chính của các đại học ở Nhật Bản có khoản thu học phí là hầu như không biến đổi, vì nếu các đại học tự chủ thu tăng học phí thì Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ sẽ giảm bớt tương ứng khoản hỗ trợ nào đó trong gói ngân sách dành cho trường. Ngoài ra, việc tăng thu của các trường được thực hiện thông qua hoạt động hợp tác ba bên giữa Chính phủ – trường đại học – doanh nghiệp và có nhiều hoạt động kinh doanh khác nhau được thực hiện dựa trên ý tưởng đề xuất của các trường đại học. Hầu hết các trường đại học đều đẩy mạnh hoặc tăng số lượng văn phòng cấp phép có liên quan đến công nghệ và các hoạt động hợp tác khác. Với cách làm này, các trường đại học quốc lập đã phát huy cao nhất sự năng động, sáng tạo và tính linh hoạt trong các hoạt động, gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, đẩy mạnh nghiên cứu, thúc đẩy khoa học – công nghệ và kinh tế phát triển.

Trong chế độ tự chủ của các trường đại học, không chỉ các đại học quốc lập và công lập được hỗ trợ của Nhà nước mà ngay cả các trường tư lập cũng nhận được khoản hỗ trợ này. Mỗi năm, Chính phủ trợ cấp cho các trường tư khoản ngân sách khoảng 300 tỷ yên, bằng 1/10 chi phí của các trường tư lập hiện nay. Chẳng hạn Đại học Keio, năm 2018, số giảng viên và nhân viên hành chính là 8.595 người, số sinh viên, học viên là 32.410 người (sinh viên: 28.855, học viên sau đại học: 3.555 người), với nguồn thu hơn 1,5 tỷ yên có học phí khoảng 35%, dịch vụ y tế 36%, hỗ trợ ngân sách của nhà nước xây dựng cơ sở vật chất 9%. Đối với các trường tư có truyền thống, uy tín, được

đánh giá cao về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học thì nhận được sự hỗ trợ cao hơn, có trường lên tới 40%⁴.

3. Một số vấn đề đặt ra sau tự chủ của các trường đại học ở Nhật Bản

Thứ nhất, tự chủ làm mất đi tính công bằng, bình đẳng giữa trường công và trường tư.

Do yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội mà các trường đại học tư lập ở Nhật bản phát triển nhanh so với nhiều nước. Ở giai đoạn đầu, Nhà nước mới chỉ có chính sách không ngăn cản việc mở đại học tư lập nên chưa quan tâm hỗ trợ đầu tư. Do vậy, xuất phát điểm trong đào tạo đại học của trường tư lập thấp hơn nhiều so với trường công lập. Sau quá trình vận động và phát triển, đại học tư lập ở Nhật Bản đã có vai trò quan trọng để xây dựng một xã hội dân chủ, học tập và phát triển dân trí toàn diện. Không chỉ vậy, đại học tư lập còn là đối chứng để đánh giá hiệu quả hoạt động của trường công lập, tạo ra môi trường cạnh tranh kích thích phát triển toàn hệ thống.

Thời gian qua các gói hỗ trợ của ngân sách thường tập trung vào đầu tư thiết bị nghiên cứu, cho vay vốn để phát triển thông qua cơ quan Quản lý vốn cho vay của Nhà nước trên cơ sở các đơn đề nghị vay vốn của các trường tư với nguyên tắc trợ giúp nhưng không can thiệp vào công việc của trường. Ngoài ra, Nhà nước hỗ trợ cho người học (mang tính cách cá nhân) dưới dạng học bổng hoặc có chính sách miễn giảm học phí, tín dụng sinh viên...

Thứ hai, nhu cầu về tài chính để các trường hoạt động ngày càng gia tăng, trong khi nguồn tự chủ ngày càng sút giảm.

Để cạnh tranh phát triển, các trường đại học ở Nhật Bản phải gia tăng đầu tư vào nhiều lĩnh vực, trong đó đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học là quan trọng nhất bao gồm xây dựng cơ sở vật chất và đào tạo bồi dưỡng trình độ nghiên cứu cho đội ngũ nhân sự. Tuy nhiên, các trường đại học đứng trước tình trạng dân số giảm, số lượng sinh viên quốc tế đến học ít hơn. Sự thiếu hụt tuyển sinh nghiêm trọng sẽ ảnh hưởng đến nguồn lực tài chính, vì thế các trường phải dùng nhiều chính sách thu hút học sinh, kể cả biện pháp chỉ cần xét tuyển đầu vào.

Ngoài ra, bắt đầu từ năm 2024, một quy định bắt buộc trong cải cách giáo dục đại học là Chính phủ sẽ loại các trường ra khỏi chương trình hỗ trợ tài chính dành cho sinh viên thuộc các gia đình có thu nhập thấp, nếu các trường đại học không hoàn thành ít nhất 80% chỉ tiêu tuyển sinh trong 3 năm tài chính liên kế. Hiện có 155 trường đại học (tương đương 26% tổng số cơ sở giáo dục đại học) không đạt chỉ tiêu này⁵.

Thứ ba, tự chủ chi phối cơ cấu tuổi và kinh nghiệm tích lũy của đội ngũ nhân sự ở các trường đại học.

Do áp lực tài chính cùng với quyền tự quyết về nhân sự của các đại học nên xu hướng chung là các trường phải giảm biên về nhân sự. Chế độ đãi ngộ bằng nguồn tự chủ không hấp dẫn các nhà khoa học đầu đàn nên họ bị mời gọi bởi các trường khác trong hệ thống hoặc nước ngoài. Không chỉ có vậy, một số trường còn phải giải thể những đơn vị thành viên để liên kết đào tạo hoặc thu hẹp quy mô tổ chức. Sự sút giảm nhân sự cả về số lượng, trình độ và kinh nghiệm sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại Nhật Bản.

Thứ tư, tự chủ làm cho chất lượng nghiên cứu và giảng dạy sút giảm.

Một khi nguồn thu tài chính của các trường eo hẹp dẫn đến các biện pháp kiểm soát tài chính tăng cường theo hướng định mức chi tiêu chặt chẽ hơn; nhu cầu tiếp cận tài chính nhiều hơn, tạo áp lực cạnh tranh giữa các cá nhân, tổ chức; quy trình thủ tục tiếp nhận sử dụng tài chính phức tạp hơn. Công tác tuyển sinh cũng được hạ thấp tiêu chuẩn học tập và đơn giản hóa quy trình xét tuyển thông qua những kết nối linh hoạt giữa trường đại học với các trường phổ thông trung học theo mô hình “mở rộng quan hệ đối tác quy mô nhỏ”. Thực tế này sẽ dẫn đến hiệu ứng domino là chất lượng đào tạo trong nước giảm, số lượng trường có khả năng cạnh tranh quốc tế giảm, đồng thời số lượng sinh viên nước ngoài đến Nhật Bản cũng giảm và nguồn thu tài chính của các cơ sở giáo dục đại học ở Nhật Bản cũng giảm.

Thứ năm, tự chủ cũng phát sinh nhiều bất cập giữa năng lực của người đứng đầu cơ sở đại học với yêu cầu của vị trí họ đang đảm nhận.

Quyền tự quyết của đại học công lập về nhiệm vụ thực hiện, về tổ chức bộ máy, về tuyển dụng nhân sự và nhất là về sử dụng tài chính đã tăng lên đáng kể từ sau khi tự chủ. Tuy nhiên, các trường đại học quốc gia của Nhật Bản đang phải đối mặt với thách thức trong việc lựa chọn được Chủ tịch trường là người tài năng, bởi hầu hết họ là những người làm công tác chuyên môn, giảng dạy nên thiếu những kinh nghiệm, kỹ năng trong lãnh đạo điều hành.

Thứ sáu, tự chủ tạo ra làn sóng điều chỉnh tổ chức các trường đại học

Điều chỉnh tổ chức các đại học sau tự chủ là việc làm thường xuyên để tạo sự thích ứng với những biến đổi về kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường. Tuy nhiên sự sút giảm nguồn thu tác động trực tiếp nhất đến hoạt động điều chỉnh. Bước đầu các trường

sẽ điều chỉnh giảm biên chế, tiếp đến điều chỉnh cơ cấu tổ chức nhằm giải thể một số đơn vị thành viên phù hợp với cơ cấu chức năng, nhiệm vụ mới. Nếu áp lực tiếp tục gia tăng, một số đại học phải sáp nhập hay giải thể. Ở Nhật Bản hơn 30 năm qua đã giải thể 11 trường đại học và 29 lần thực hiện sáp nhập giữa các trường. Chẳng hạn: năm 2023, Trường Đại học Kobe Kaisei (trường tư thục dành cho nữ) thông báo ngừng nhận hồ sơ và đóng cửa vào năm tới vì chỉ tuyển được 24 học sinh (đạt 25 % chỉ tiêu). Đại học Keisen ở ngoại ô Thủ đô Tokyo mới đây cũng thông báo trên trang web chính thức sẽ ngừng tuyển sinh năm học 2024 và đóng cửa sau khi lứa sinh viên cuối cùng tốt nghiệp⁶. Năm 2019, Đại học Nagoya và Đại học Gifu sẽ hợp nhất hoạt động; sáp nhập Đại học Nagoya và Đại học Kyushu thành một trường đại học⁷.

4. Kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ những vấn đề đặt ra trong thực hiện tự chủ đại học ở Nhật bản có thể đúc kết thành những kinh nghiệm cho tiến trình tự chủ các đơn vị sự nghiệp đào tạo đại học công lập ở Việt Nam trong thời gian tới như sau:

Một là, tạo động lực thực hiện cơ chế tự chủ.

Để tạo động lực thực hiện cơ chế tự chủ cần phải thiết lập môi trường tương tác giữa các đại học công lập và ngoài công lập. Mỗi quan hệ tương tác đòi hỏi Nhà nước quan tâm hỗ trợ nhiều hơn cho các trường đại học ngoài công lập, nhất là về tài chính. Hiện nay, Việt Nam có 265 trường đại học, trong đó các trường công lập là 199 (chiếm 75% tổng số trường), trường ngoài công lập là 66 (chiếm 25%). Số sinh viên nhập học vào các trường công lập năm 2022 là 443.249 SV (chiếm 78%) và vào trường ngoài công lập là 125.607 sinh viên (chiếm 22%). Giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ ở các trường đại học năm 2022 là 25.366 người, trong đó trường công có 20.753 người (bằng 81,8%); giảng viên là giáo sư, phó giáo sư có 5.203 người, trong đó ở trường công là 4.234 người (chiếm 81,3%)⁸.

So sánh số liệu thống kê trên đây cho thấy, mặc dù dân số Việt Nam không thua kém Nhật Bản là mấy (100,3 triệu người/124,3 triệu người) nhưng số lượng các trường đại học nói chung và đại học ngoài công lập nói riêng ở Việt Nam là rất khiêm tốn so với Nhật bản (265/781 tổng số trường và 66/603 trường ngoài công lập). Số lượng trường tư lập của Nhật bản lớn (chiếm 75% trong tổng số trường) nhưng Nhà nước vẫn sẵn sàng chi nguồn ngân sách để hỗ trợ cho nhóm trường này khoảng gần 2 tỷ USD hằng năm, cùng với nhiều chính sách ưu đãi về vay vốn đầu tư phát triển, hỗ trợ các dự án,

hỗ trợ cho người học dưới dạng học bổng hoặc miễn giảm học phí, tín dụng sinh viên... để nhằm xây dựng một xã hội học tập cho tương lai. Trong khi ở Việt Nam, nguồn tài chính của trường ngoài công lập đều do các tổ chức, cá nhân góp vốn đầu tư và nguồn đóng học phí của sinh viên, hầu như không có sự hỗ trợ của Nhà nước nên các trường này gặp rất nhiều khó khăn về tài chính. Do vậy, cần học hỏi rút kinh nghiệm từ Nhật Bản để rút ngắn khoảng cách chênh lệch mang tính áp đảo của hệ thống trường công so với các trường tư làm cho sân chơi mất đi tính cạnh tranh, khiến các trường công ít quan tâm đến tự chủ, nhất là tự chủ về thực hiện nhiệm vụ.

Hai là, thực hiện quản trị đại học theo mô hình doanh nghiệp cùng với đề cao vai trò tự quyết của các nhà giáo và người lao động.

Nhà nước tôn trọng quyền tự quyết và không can thiệp vào hoạt động tự chủ của các trường trên các phương diện. Trong quá trình thực hiện tự chủ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đồng hành để hỗ trợ, đôn đốc các trường thực hiện mục tiêu đào tạo theo kế hoạch phát triển chung của ngành, địa phương. Hoạt động của Hội đồng trường ở nhiều trường còn mang tính hình thức; trách nhiệm giải trình và trách nhiệm xã hội rất mờ nhạt. Cơ quan chủ quản còn can thiệp vào các vấn đề tự chủ, đặc biệt là bộ máy quản lý, nhân sự và đầu tư của các cơ sở giáo dục đại học. Dù được tự chủ trên nhiều lĩnh vực nhưng có những quy định phải thực hiện như các trường chưa tự chủ. Chẳng hạn, chính sách học phí chưa theo kịp, trường bị cắt ngân sách nhưng học phí không được tăng; đầu tư mua sắm không khác gì trường chưa tự chủ; chính sách thuế của các trường tự chủ chưa rõ ràng. Vì vậy, cần phải chú trọng đề cao vai trò tự quyết của các nhà trường và các nhân sự thực hiện quản trị đại học theo mô hình doanh nghiệp.

Ba là, áp dụng cơ chế cạnh tranh trong tự chủ, nhất là việc hỗ trợ ngân sách nhà nước thông qua kết quả cống hiến của các trường đại học.

Hiện nay, các trường đại học ở Việt Nam đang phấn đấu tự chủ 100% về nguồn tài chính. Song điều này có thể dẫn đến tình trạng một số trường không thu hút được sinh viên, không có đủ nguồn thu hoặc phải tăng mức học phí tối đa để bảo đảm nguồn thu. Hai khả năng này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến người học cũng như không bảo đảm cho một số ngành đào tạo đặc thù. Để khắc phục vấn đề này, kinh nghiệm của Chính phủ Nhật Bản là thực hiện cấp ngân sách trên cơ sở kế hoạch hoạt động của mỗi trường cũng như mục tiêu mà cơ quan quản lý đã đề ra nhằm bảo đảm việc phân bổ và sử dụng ngân sách hiệu quả. Đồng thời, năm 2022 đã thành lập Quỹ Đại học với trị giá

10 nghìn tỷ Yên (khoảng 62 tỷ USD) để khuyến khích các trường cạnh tranh phát triển nghiên cứu và ứng dụng khoa học – công nghệ.

Do đó, các trường ngoài công lập ở Việt Nam cùng tham gia vào sân chơi. Nhà nước cần điều chỉnh, bổ sung các chính sách hỗ trợ về tài chính đối với các trường này; không đánh thuế đối với các trường đại học ngoài công lập phi lợi nhuận. Nhà nước nên thành lập các quỹ đầu tư ưu đãi với lãi suất phù hợp và thời gian vay trung, dài hạn bảo đảm trường hoạt động ổn định, tạo điều kiện cho trường phát triển nghiên cứu khoa học, tái đầu tư và cân đối trả nợ các khoản vay.

Bốn là, tự chủ gắn với tập trung xây dựng những đại học trọng điểm để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Trên cơ sở quy hoạch hệ thống giáo dục đại học trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, cần xác định những cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, có thành tích đào tạo vượt trội trong những lĩnh vực then chốt trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những cơ sở này vừa thực hiện tự chủ, vừa thu hút phát triển đội ngũ giảng viên là các chuyên gia, nhà giáo dục, khoa học, lãnh đạo, quản lý, kinh doanh đầu ngành, có trình độ, kinh nghiệm, uy tín cao ở trong và ngoài nước. Đặc biệt chú trọng mời đội ngũ giáo sư, chuyên gia đầu ngành Việt kiều trở về làm việc, tham gia giảng dạy tại Việt Nam.

Đồng thời, khuyến khích các trường, nhất là trường ngoài công lập tập trung ưu tiên đào tạo kỹ năng và năng lực thực hành cho người học bằng nguồn ngân sách hỗ trợ của Nhà nước hay thông qua các “quỹ đào tạo nâng cao” được thành lập bởi chính quyền các cấp liên kết với tổ chức, cá nhân và các doanh nghiệp (trong nước và nước ngoài). Cùng với nghiên cứu khoa học và đào tạo hằng năm hoặc triển khai các dự án đột phá về khoa học – công nghệ mà các đại học hội đủ tiêu chuẩn tiếp cận với nguồn tài chính ưu đãi của quỹ này.

Năm là, xác định con người là yếu tố quyết định trong thực hiện tự chủ đại học.

Tự chủ là phương tiện thực hiện việc giải phóng tiềm năng trí tuệ và năng lực sáng tạo của trường đại học để vừa tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, vừa thúc đẩy tiến bộ xã hội, dẫn dắt đổi mới sáng tạo quốc gia và giải quyết những vấn đề mang tính thời đại. Theo đó yếu tố quyết định chất lượng đầu ra của một trường đại học chính là nguồn nhân lực – là đội ngũ cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường.

Để có đội ngũ nhà giáo ưu tú cần chăm lo công tác giáo dục về phẩm chất, đào tạo, bồi dưỡng về năng lực chuyên môn, năng lực giảng dạy cho giảng viên; hỗ trợ về phương pháp, phương tiện, công nghệ, dữ liệu, học liệu và thực hiện được các nghiên cứu mang tầm khu vực và quốc tế, cần gia tăng uy tín của trường đại học trên bảng xếp hạng đại học; tạo lập môi trường giáo dục sáng tạo, tích cực; ghi nhận và tôn vinh bằng cả vật chất và tinh thần với những ý tưởng sáng tạo, những thực hành xuất sắc của giảng viên trong giảng dạy.

Sáu là, tăng cường kiểm tra, đánh giá việc thực hiện mục tiêu đào tạo và chấp hành quy định pháp luật về đào tạo trong tự chủ đại học.

Kiểm tra, đánh giá để xác định đúng thành tích công hiến và việc chấp hành quy định pháp luật về tự chủ của các cơ sở đào tạo. Từ đó, kịp thời chấn chỉnh hoạt động quản lý, phòng ngừa, phát hiện và xử lý các vi phạm để bảo đảm thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ trong các cơ sở đào tạo đại học công lập.

Về nội dung thanh tra bao gồm: thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về tự chủ đại học gắn với trách nhiệm giải trình trong hoạt động chuyên môn, học thuật; tổ chức bộ máy và quản trị nguồn nhân lực, tài chính, tài sản của cơ sở đào tạo; kiểm tra công tác tuyển sinh; trách nhiệm quản lý của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị thuộc, trực thuộc; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giáo dục đại học; việc xây dựng, thực hiện quy định nội bộ cơ sở đào tạo theo thẩm quyền; việc tổ chức, quản lý quá trình đào tạo; quản lý văn bằng, chứng chỉ; tự chủ mở ngành các trình độ đào tạo đại học, các điều kiện bảo đảm thực, chương trình đào tạo; các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; việc liên kết đào tạo; việc đầu tư, quản lý sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc và dạy học; việc bảo đảm an ninh, an toàn trường học; công khai, giải trình với xã hội...

5. Kết luận

Từ những vấn đề đặt ra trong thực hiện tự chủ của các trường đại học ở Nhật Bản, tác giả đã đúc kết thành một số kinh nghiệm cho quá trình đổi mới và tìm tòi cơ chế tự chủ phù hợp với các trường đại học ở Việt Nam. Với kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá cụ thể nêu trên, nếu được áp dụng sẽ góp phần đẩy nhanh tiến trình tự chủ và nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong bối cảnh hội nhập phát triển hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. *Giới thiệu về các cơ sở giáo dục của Nhật Bản*. <https://vnembassy-jp.org>, truy cập ngày 31/7/2024.
2. Phan Thị Lan Hương (2019). *Trao quyền tự chủ đại học của Nhật Bản và kinh nghiệm đối với Việt Nam*. Tạp chí Tổ chức nhà nước, 12/2019.
- 3, 4. *Tự chủ đại học: Bài học kinh nghiệm từ Nhật Bản*. <https://dantri.com.vn/giao-duc/tu-chu-dai-hoc-bai-hoc-kinh-nghiem-tu-nhat-ban-20181025083057569.htm>, ngày 25/10/2018.
5. *Trường đại học ở Nhật Bản “khát” thí sinh vì lý do không ngờ*. <https://tuoitre.vn/truong-dai-hoc-o-nhat-ban-khat-thi-sinh-vi-ly-do-khong-ngo-20230919080854486.htm>, ngày 19/9/2023.
6. *Thiếu sinh viên nghiêm trọng tại các trường đại học Nhật Bản, Hàn Quốc*. <https://vtv.vn/the-gioi/thieu-sinh-vien-nghiem-trong-tai-cac-truong-dai-hoc-nhat-ban-han-quoc-20230719184033814.htm>, ngày 20/07/2023.
7. *Nhật Bản: Sáp nhập đại học do thiếu sinh viên*. <https://tapchigiaothong.vn/nhat-ban-sap-nhap-dh-do-thieu-sv-18359789.htm>, ngày 03/05/2018.
8. *Thống kê giáo dục đại học 2021 – 2022*. <https://moet.gov.vn/thong-ke/pages/thong-ko-giao-duc-dai-hoc.aspx>, ngày 30/9/2022.